

Bản án số: 41/2019/HS-PT
Ngày 20 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám
Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn
Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Trọng N và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Trọng N**, sinh năm 1986 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp Lung C, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 11/12; cha là Phạm Thành C, sinh năm 1968 và mẹ là Đỗ Thị Đ, sinh năm 1966; vợ là Lê Thị Hồng G, sinh năm 1992; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền sự: Ngày 24/3/2016, Công an huyện Đông H xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm phạm đến sức khỏe của người khác”, ngày 04/01/2018 đã nộp phạt xong; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2018 đến ngày 05/10/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Minh Đ**, sinh năm 1988, tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp Lung L, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Tài xế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 11/12; cha là Phạm Văn L, sinh năm 1959 và mẹ là Lê Thị N, sinh năm 1959; vợ là Đỗ Tú N, sinh năm 1992; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền sự: Ngày 24/3/2016, Công an huyện Đông H xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm phạm đến sức khỏe của người khác”, đến ngày

04/01/2018 đã nộp phạt xong; tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2018 đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Trần Hoàng Đ**, (Tên gọi khác: Chó C), sinh năm 1996 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp Cây T, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; cha là Trần Văn N, sinh năm 1955 và mẹ là Lê Thị T, sinh năm 1960; có vợ là Đỗ Ngọc T, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2018 đến ngày 23/10/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Trương Tấn K**, sinh năm 1985 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp Lung C, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: Không biết chữ; cha là Trương Văn M, không rõ năm sinh và mẹ là Đỗ Thị T, sinh năm 1955; có vợ là Huỳnh Thị Mộng T, không rõ năm sinh; có 01 người con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

5. Họ và tên: **Đỗ La H**, sinh ngày 12/3/1993 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: ấp Lung C, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Đặt đáy sông; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; cha là Đỗ Hoàng D, sinh năm 1970 và mẹ là Trần Thị N, sinh năm 1969; anh, chị, em ruột có 02 người; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- *Bị hại không kháng cáo*: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp Chòi M, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp Lung L, xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ gia đình ông Trần Văn Q đánh cha ruột mình nên vào khoảng 16 giờ ngày 29/12/2017, bị cáo Phạm Trọng N rủ các bị cáo Trần Hoàng Đ, Phạm Minh Đ, Nguyễn Thanh T, Trương Tấn K và Đỗ La H đến nhà ông Q đánh trả thù. Trước khi đi các bị cáo có chuẩn bị hung khí gồm dao tự chế bằng kim loại, ống tuýp sắt, côn nhị khúc bằng Inox. Bị cáo N và bị cáo Đ xông vào nhà bị hại, bị cáo N dùng dao tự chế chém ông Q gây thương tích. Các bị cáo K, Đ, T mỗi người cầm hung khí đứng phía trước sẵn sàng hỗ trợ khi bị đánh trả vì vậy các bị cáo là đồng phạm cùng chịu trách nhiệm cùng với bị cáo N.

Kết quả giám định tỷ lệ thương tích của ông Q do bị cáo N gây ra là 17%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Trọng N, Trần Hoàng Đ, Nguyễn Thanh T, Trương Tấn K, Phạm Minh Đ và Đỗ La H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Trọng N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/5/2018 đến ngày 05/10/2018.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/7/2018 đến ngày 23/10/2018.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 180/HS-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau mà bị cáo phải chấp hành chung mức án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 01/06/2018.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Tấn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đỗ La H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/02/2019, các bị cáo Phạm Trọng N, Trần Hoàng Đ, Trương Tấn K, Phạm Minh Đ và Đỗ La H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo N, Đ và Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo K và bị cáo H trình bày xin giảm án là xin hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

Bị hại Trần Văn Q không có ý kiến gì về kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ. Về nội dung: Sau khi phân tích toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình phạt; các bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xác định Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là không bị oan, thương tật của bị hại Trần Văn Q do bị cáo Phạm Trọng N trực tiếp gây ra. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo kháng cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền như Bản án sơ thẩm đã buộc, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2] Do trước đó nghi ngờ bị hại Trần Văn Q đánh ông Phạm Thành C là cha ruột của bị cáo Phạm Trọng N nên vào khoảng 16 giờ ngày 29/12/2017, bị cáo Phạm Trọng N rủ các bị cáo Trần Hoàng Đ, Phạm Minh Đ, Nguyễn Thanh T, Trương Tấn K và Đỗ La H đến nhà ông Q đánh trả thù. Trước khi đi các bị cáo có chuẩn bị hung khí gồm dao tự chế bằng kim loại, ống tuýp sắt, côn nhị khúc bằng Inox. Bị cáo N và bị cáo Đ xông vào nhà bị hại, bị cáo N dùng dao tự chế chém ông Q gây thương tích. Các bị cáo K, Đ, T mỗi người cầm hung khí đứng phía trước sẵn sàng hỗ trợ khi bị đánh trả vì vậy các bị cáo là đồng phạm cùng chịu trách nhiệm với bị cáo N. Trong lúc chém ông Q, bị cáo N nhìn thấy ông Nguyễn Văn T là Công an viên của Công an xã Định T nên tất cả bỏ chạy. Sau khi sự việc xảy ra ông Q bị thương tích và được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu.

[3] Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 31/TgT ngày 22/02/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bạc Liêu, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Trần Văn Q như sau: Một sẹo ở mặt trong cẳng tay trái, một sẹo ở ngón I bàn tay trái. Tỷ lệ 10%; Một sẹo ở ngón II bàn tay trái. Tỷ lệ 02%. Đứt gân gấp ngón III bàn tay trái, ảnh hưởng ít đến động tác gấp duỗi ngón III. Tỷ lệ: 03%; Gãy đốt gần ngón I bàn tay trái, can tốt. Tỷ lệ: 03%. Vật gây thương tích do vật sắc. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 17% là có xảy ra trên thực tế.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Đối với bị cáo Phạm Trọng N và bị cáo Phạm Minh Đ xin giảm án, Hội đồng xét xử xét thấy: Ở vụ án này, bị cáo N là người rủ rê các bị cáo khác cùng phạm tội, chuẩn bị hung khí, thương tật của bị hại do chính bị cáo trực tiếp

gây ra, bị cáo tham gia với vai trò chính nên hình phạt án sơ thẩm xử phạt bị cáo cao hơn các bị cáo khác là phù hợp. Đối với bị cáo Phạm Minh Đ, khi bị cáo N rủ đi đánh nhau thì bị cáo đồng ý ngay, khi đến nhà ông Q thì bị cáo cầm ống tuýp sắt. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo N 02 năm tù, chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt, xử phạt bị cáo Đ 01 năm 06 tháng tù, là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng cho hai bị cáo là không nặng, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Tuy trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo có nộp khắc phục toàn bộ thiệt hại theo Bản án quyết định nhưng như đã phân tích, hình phạt án sơ thẩm áp dụng là nhẹ nên không thể giảm án theo đơn kháng cáo của các bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo Trần Hoàn Đ, bị cáo có trực tiếp vào nhà bị hại cùng với bị cáo N nhưng thương tích của ông Q không phải do bị cáo gây ra. Như đã phân tích, bị cáo N là người rủ rê các bị cáo phạm tội, là người chuẩn bị hung khí, là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại, nhưng án sơ thẩm xử phạt bị cáo N 02 năm tù, bị cáo Đ tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu hơn nhưng bị xử phạt 01 năm 09 tháng tù là nghiêm khắc hơn các bị cáo khác, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Đối với các bị cáo Trương Tấn K và Đỗ La H yêu cầu giảm án, được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu, không trực tiếp vào nhà bị hại, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường theo Bản án đã quyết định, bị cáo H có cung cấp tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng, các bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Phạm Trọng N, Trần Hoàng Đ, Trương Tấn K, Phạm Minh Đ và Đỗ La H đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường thiệt hại như Bản án đã quyết định, các bị cáo và bị hại không kháng cáo về trách nhiệm dân sự, số tiền mà các bị cáo đã nộp được đối trừ trong giai đoạn thi hành án nên không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là sửa án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

[6] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là giữ nguyên án sơ thẩm đối với các bị cáo N và Đ. Các bị cáo còn lại Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên hình phạt là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo Phạm Trọng N và Phạm Minh Đ kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Hoàng Đ, Trương Tấn K và Đỗ La H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về tội danh và hình phạt của bị cáo Nguyễn Thanh T không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Trọng N và bị cáo Phạm Minh Đ; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hoàng Đ, Trương Tấn K, Đỗ La H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Trọng N, Phạm Minh Đ, Trần Hoàng Đ, Trương Tấn K, Đỗ La H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/5/2018 đến ngày 05/10/2018.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được đối trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/7/2018 đến ngày 23/10/2018.

5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Tấn K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời gian thử thách tính kể từ ngày 20/5/2019.

6. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 65; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ La H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời gian thử thách tính kể từ ngày 20/5/2019.

7. Giao các bị cáo Đỗ La H, Trương Tấn K cho Ủy ban nhân dân xã Định T, huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo K và H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

8. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

9. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Trọng N, bị cáo Phạm Minh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Hoàng Đ, Đỗ La H, Trương Tấn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

10. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện Đông H (01 bản);
- VKSND huyện Đông H (01 bản);
- CQĐT huyện Đông H (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Đông H (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (05 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

(Đã ký)

Cao Văn Tám